

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **BỆNH TRUYỀN NHIỄM VÀ CÁC BỆNH NHIỆT ĐỚI**Mã số: **8720109**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Bệnh nhiễm vi trùng	4	3	1
2.	Bệnh nhiễm siêu vi	4	3	1
3.	Bệnh ký sinh trùng, vi nấm và Richettsia	3	2	1
4.	Kỹ thuật chẩn đoán: vi sinh – miễn dịch – hình ảnh	2	1	1
5.	Hồi sức cấp cứu trong bệnh nhiễm	3	2	1
6.	Chương trình chống lao quốc gia	2	1	1
Phần tự chọn: 20 TC				
Phần tự chọn Lao 20 TC				
1.	Cơ bản phổi học	2	2	0
2.	Các thể bệnh lao	5	3	2
3.	Lao ngoài phổi	3	2	1
4.	X – quang và CT scan ngực	4	2	2
5.	Bệnh phổi không lao	6	3	3
6.	Các thủ thuật trong lao và bệnh phổi	4	2	2
7.	Hồi sức cấp cứu trong bệnh phổi	4	2	2
8.	Các xét nghiệm cơ bản trong bệnh phổi	4	4	0
Phần tự chọn Truyền nhiễm 20 TC				
1.	Kháng sinh trong điều trị bệnh nhiễm trùng	4	2	2
2.	Phòng ngừa bệnh nhiễm	4	2	2
3.	Nhiễm trùng bệnh viện	4	2	2
4.	Ứng dụng phương pháp dịch tễ trong nghiên cứu bệnh nhiễm	4	2	2
5.	Bệnh nhiễm trùng cơ hội trên bệnh nhân HIV/AIDS	2	1	1
6.	Đề kháng kháng sinh trong nhiễm trùng	2	1	1
7.	Điều trị viêm gan siêu nâng cao	2	1	1
8.	Bệnh lây truyền từ động vật	2	1	1
9.	Bệnh nhiễm trùng mới nổi dây	2	1	1

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **CÔNG NGHỆ DƯỢC PHẨM VÀ BẢO CHẾ THUỐC**Mã số: **8720202**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	1	1

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử cơ sở Dược	2	2	0
2.	Đạo đức trong hành nghề Dược	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Trắc nghiệm giả thuyết thống kê trong ngành Dược	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 32 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Sinh dược học	2	2	0
2.	Nghiên cứu phát triển dược phẩm I	3	2	1
3.	Thiết kế phân tử thuốc I	3	3	0
4.	Các hệ thống trị liệu mới	3	3	0
5.	Quản lý chất lượng trong sản xuất thuốc	3	3	0
6.	Các quá trình công nghệ trong sản xuất dược phẩm I	4	4	0
Phần tự chọn: 14 TC				
1.	Các quá trình công nghệ trong sản xuất dược phẩm II	3	3	0
2.	Nghiên cứu phát triển dược phẩm II	3	3	0
3.	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	2	0
4.	Công nghệ sản xuất nguyên liệu hóa dược	3	3	0
5.	Xây dựng qui trình và thực hành sản xuất dược phẩm	2	1	1
6.	Nâng cao độ ổn định, xác định tuổi thọ của thuốc	3	3	0
7.	Thiết kế phân tử thuốc II	2	1	1
8.	Các phương pháp phân tích dụng cụ	3	3	0
9.	Tối ưu hóa công thức/quy trình	3	2	1
10.	Công nghệ sản xuất dược phẩm có nguồn gốc sinh học	3	2	1
11.	Dược động học	2	2	0
12.	Các phương pháp nghiên cứu dược lý - Dược lâm sàng	2	2	0
13.	Hóa hữu cơ nâng cao	2	2	0
14.	Luật và Pháp chế trong sản xuất dược phẩm	2	2	0

IV. LUẬN VĂN: 15 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: **Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)**

Mã số: **8720111**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Kỹ thuật hình ảnh	1	0,5	0,5
2.	Hình ảnh học tim mạch	1	0,5	0,5
3.	Hình ảnh học lồng ngực	2	1	1
4.	Hình ảnh học hệ tiêu hóa – gan mật	2	1	1
5.	Hình ảnh học hệ cơ xương khớp	2	1	1
6.	Hình ảnh học sản phụ khoa	1	0,5	0,5
7.	Hình ảnh học hệ niệu dục	2	1	1
8.	Hình ảnh học hệ thần kinh	2	1	1
9.	Hình ảnh học cấp cứu	2	1	1
10.	Hình ảnh học nhi	1	0,5	0,5
11.	Y học hạt nhân	1	1	0
12.	Hình ảnh học can thiệp	1	0,5	0,5
Phần tự chọn: 20 TC (Chọn 20 trong 60 tín chỉ)				
1.	Sinh học tế bào trong y khoa	2	1	1
2.	Miễn dịch học	2	1	1
3.	Sinh tin học lâm sàng	2	1	1
4.	Y học chứng cứ	1	0,5	0,5
5.	Kỹ năng viết và trình bày trong khoa học	1	0,5	0,5
6.	Y học hạt nhân chẩn đoán	5	3	2
7.	Y học hạt nhân điều trị	5	3	2
8.	Can thiệp thần kinh	5	3	2
9.	Can thiệp nội tạng và ngoại biên	5	3	2
10.	Can thiệp ngoài mạch	5	2	3
11.	Hình ảnh học chấn thương	5	2	3
12.	Hình ảnh học rang hàm mặt	10	4	6
13.	Hình ảnh học phân tử	2	1	1
14.	Hình ảnh học đột quỵ	2	1	1
15.	Hình ảnh học trong chẩn đoán tiền sản	3	1	2
16.	Hình ảnh học tuyến vú	3	1	2
17.	Chẩn đoán các khối u trong và ngoài phúc mạc	2	1	1

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: **ĐIỀU DƯỠNG**

Mã số: **8720301**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 35 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 17 TC				
1.	Học thuyết điều dưỡng	3	2	1
2.	Vai trò và các khái niệm trong thực hành điều dưỡng nâng cao	2	1	1
3.	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	2	1
4.	Nghiên cứu điều dưỡng	3	2	1
5.	Quản lý – lãnh đạo trong điều dưỡng	3	2	1
6.	Đánh giá thể chất và sức khỏe	3	2	1
Phần tự chọn: 18 TC				
Chăm sóc sức khỏe người lớn	Dược lâm sàng	2	2	0
	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội - ngoại khoa nâng cao	4	2	2
	Thực hành giảng dạy trong chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội – ngoại khoa nâng cao	4	2	2
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm nâng cao	4	2	2
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh hồi sức cấp cứu nâng cao	4	2	2
Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Dược lâm sàng	2	2	0
	Hộ sinh và chăm sóc sức khỏe sinh sản nâng cao	4	2	2
	Chăm sóc thai kỳ nguy cơ	4	2	2
	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ và sau sinh nâng cao	4	2	2
	Chăm sóc sơ sinh bệnh lý	4	2	2
Chăm sóc người bệnh trong GMHS	Dược lâm sàng	2	2	0
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh hồi sức cấp cứu nâng cao	4	2	2
	Dược lý và sinh lý bệnh trong gây mê hồi sức	3	3	0
	Chăm sóc người bệnh trong gây mê vùng nâng cao	3	2	1
	Chăm sóc người bệnh trong gây mê nâng cao	3	2	1
	Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật	3	2	1

IV. LUẬN VĂN: 12 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **DƯỢC LIỆU – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN**Mã số: **8720206**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	1	1

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử cơ sở Dược	2	2	0
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3.	Đạo đức trong hành nghề Dược	2	2	0
4.	Trắc nghiệm giả thuyết thống kê trong ngành Dược	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 32 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Hóa học các hợp chất tự nhiên	5	5	0
2.	Phương pháp sắc ký trong phân tích hợp chất tự nhiên	5	4	1
3.	Các phương pháp phổ ứng dụng trong phân tích	4	4	0
4.	Kiểm nghiệm dược liệu và thuốc dược liệu	4	3	1
Phần tự chọn: 14 TC				
1.	Các phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên.	4	3	1
2.	Phương pháp nghiên cứu thuốc từ dược liệu	3	3	0
3.	Dược lý Dược liệu	3	3	0
4.	Y học cổ truyền dân tộc	4	3	1
5.	Hợp chất tự nhiên trong hỗ trợ và điều trị ung thư	2	2	0
6.	Chất chống oxy hoá nguồn gốc tự nhiên	2	2	0
7.	Thực hành tốt trong sản xuất kinh doanh dược liệu	2	2	0
8.	Phân loại, sinh thái - tài nguyên thực vật	2	2	0
9.	Hương liệu và mỹ phẩm có nguồn gốc tự nhiên	2	2	0
10.	Dược liệu trong dinh dưỡng - Cây độc	2	2	0
11.	Xây dựng hồ sơ, tài liệu kỹ thuật trong sản xuất dược liệu và thuốc dược liệu	2	2	0
12.	Nuôi cấy mô thực vật	2	2	0
13.	Tối ưu hóa công thức/quy trình	2	2	0

IV. LUẬN VĂN: 15 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **DUỐC LÝ VÀ DUỐC LÂM SÀNG**Mã số: **8720205**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	1	1

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử cơ sở Dược	2	2	0
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
3.	Đạo đức trong hành nghề Dược	2	2	0
4.	Trắc nghiệm giả thuyết thống kê trong ngành Dược	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 32 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Sinh lý bệnh	2	2	0
2.	Sử dụng thuốc trong trị liệu	4	4	0
3.	Dược động học ứng dụng	2	2	0
4.	Thông tin thuốc	3	2	1
5.	Thực hành dược lâm sàng 1	2	0	2
6.	Thực hành dược lâm sàng 2	2	0	2
7.	Các phương pháp nghiên cứu dược lý - Dược lâm sàng	3	2	1
Phần tự chọn: 14 TC				
1.	Sinh dược học	2	2	0
2.	Hóa hữu cơ nâng cao	2	2	0
3.	Luật và pháp chế dược	2	2	0
4.	Y Dược – xã hội học	2	2	0
5.	Các phương pháp phân tích dụng cụ	2	2	0
6.	Nhiễm trùng bệnh viện và kháng sinh dự phòng phẫu thuật	2	2	0
7.	Dược lý phân tử	2	2	0
8.	Độc chất học lâm sàng	2	2	0
9.	Xét nghiệm lâm sàng	2	2	0
10.	Ứng dụng thống kê trong nghiên cứu dược lý – DLS	2	1	1
11.	Dược lý di truyền	2	2	0
12.	Quản lý thử nghiệm lâm sàng	2	2	0
13.	Sai sót trong sử dụng thuốc	2	2	0
14.	Phân tích và đánh giá Tương tác thuốc	2	1	1
15.	Thuốc trị liệu hướng mục tiêu trong ung thư	2	2	0
16.	Các rối loạn nước - điện giải và dinh dưỡng qua đường tiêu truyền	2	2	0
17.	Phản ứng có hại của thuốc	2	2	0
18.	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc	2	2	0
19.	Dược lý miễn dịch	2	2	0
20.	PK/PD đối với kháng sinh	2	2	0
21.	Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh lây nhiễm	2	2	0
22.	Đánh giá sử dụng thuốc	2	2	0
23.	Bệnh gây ra do thuốc	2	2	0
24.	Dược động học	2	2	0
25.	Dinh dưỡng lâm sàng	2	2	0
26.	Dược lý Dược liệu	2	2	0

IV. LUẬN VĂN: 15 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: **GÂY MÊ HỒI SỨC**

Mã số: **8720102**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Gây mê hồi sức cơ sở	6	2	4
2.	Gây mê hồi sức cơ bản	6	2	4
3.	Dược lâm sàng trong Gây mê hồi sức	4	2	2
4.	Vô cảm vùng và điều trị đau	2	1	1
Phần tự chọn: 20 TC				
1.	Sinh học tế bào trong y khoa	2	1	1
2.	Sinh tin học lâm sàng	2	1	1
3.	Miễn dịch học	2	1	1
4.	Y học chứng cứ	1	0,5	0,5
5.	Kỹ năng viết và trình bày trong khoa học	1	0,5	0,5
6.	Gây mê hồi sức chuyên ngành	6	3	3
7.	Hồi sức chuyên ngành	4	2	2
8.	Dinh dưỡng chu phẫu	2	1	1
9.	Gây mê hồi sức thần kinh	2	1	1
10.	Gây mê hồi sức chấn thương chỉnh hình	2	1	1
11.	Gây mê hồi sức sản	2	1	1
12.	Gây mê hồi sức nhi	2	1	1
13.	Gây mê hồi sức tim mạch	2	1	1
14.	Gây mê hồi sức phẫu thuật lồng ngực	2	1	1

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **KIỂM NGHIỆM THUỐC VÀ ĐỘC CHẤT**Mã số: **8720210**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 2020; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	1	1

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử cơ sở Dược	2	2	0
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3.	Đạo đức trong hành nghề Dược	2	2	0
4.	Trắc nghiệm giả thuyết thống kê trong ngành Dược	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 32 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Phân tích dụng cụ	4	3	1
2.	Hiệu chuẩn thiết bị phân tích trong phòng KN	4	2	2
3.	KN thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm bằng các phương pháp Hóa lý	4	3	1
4.	KN thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm bằng phương pháp sinh học	3	2	1
5.	Hệ thống Kiểm tra chất lượng ISO -IEC 17025, GLP	3	2	1
Phần tự chọn: 14 TC				
1.	Nâng cao độ ổn định, xác định tuổi thọ của thuốc	3	3	0
2.	Kiểm nghiệm độc chất	3	2	1
3.	Kiểm nghiệm đông dược, thực phẩm chức năng và các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên	3	2	1
4.	Phân tích vết	2	1	1
5.	Phân tích dữ liệu trong kiểm nghiệm	2	1	1
6.	Kiểm nghiệm vaccin và một số dạng thuốc đặc biệt (máu và sinh phẩm)	2	1	1
7.	Các hệ thống đảm bảo chất lượng và công cụ thống kê	3	2	1
8.	Thiết lập hồ sơ chất lượng thuốc	2	1	1
9.	Phương pháp thiết lập chất đối chiếu sử dụng trong Kiểm nghiệm	2	2	0
10.	Tối ưu hóa quy trình kiểm nghiệm	3	2	1
11.	Phương pháp Kiểm nghiệm Dược phẩm sinh học	2	2	0
12.	Kiểm nghiệm tạp liên quan	3	2	1
13.	Ứng dụng kỹ thuật định lượng sinh học trong phát triển thuốc	3	2	1
14.	Kỹ thuật DSC, ICP-MS dùng trong kiểm nghiệm	2	1	1
15.	Kỹ thuật sinh hóa sử dụng trong kiểm nghiệm	2	1	1
16.	Ứng dụng Kỹ thuật Sinh học phân tử trong Kiểm nghiệm	2	2	0

IV. LUẬN VĂN: 15 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG – VẬT LÝ TRỊ LIỆU**Mã số: **8720603**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 40 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Sinh lý ứng dụng trong Phục hồi chức năng	2	1	1
2.	Các vấn đề bệnh lý trong Phục hồi chức năng	3	1	2
3.	Giới thiệu về các kỹ năng lâm sàng và lý luận lâm sàng trong Phục hồi chức năng	2	1	1
4.	Phục hồi chức năng Nội khoa	2	1	1
5.	Phục hồi chức năng Ngoại khoa	2	1	1
6.	Phục hồi chức năng Thần kinh - cơ	3	2	1
7.	Phục hồi chức năng Nhi	4	2	2
Phần tự chọn: 20 TC				
1.	Những vấn đề chuyên môn trong phục hồi chức năng	2	1	1
2.	Vật lý trị liệu Cơ xương nâng cao	3	2	1
3.	Vật lý trị liệu Tim mạch – Hô hấp nâng cao	3	2	1
4.	Vật lý trị liệu trong thể thao	2	1	1
5.	Ứng dụng công thái học trong can thiệp Vật lý trị liệu	2	1	1
6.	Thực hành lâm sàng Vật lý trị liệu các bệnh lý phức tạp 1	3	0	3
7.	Thực hành lâm sàng Vật lý trị liệu các bệnh lý phức tạp 2	3	0	3
8.	Chuyên đề nâng cao trong Vật lý trị liệu	2	1	1
9.	Rối loạn nuốt	3	2	1
10.	Rối loạn vận động tạo lời nói và nói lắp	2	1	1
11.	Thực hành lâm sàng cho rối loạn giọng	2	1	1
12.	Thực hành lâm sàng cho vấn đề rối loạn ngôn ngữ có nguồn gốc thần kinh	4	2	2
13.	Thực hành lâm sàng cho người khuyết tật suốt đời	2	0	2
14.	Thực hành lâm sàng cho trẻ em có rối loạn giao tiếp và nuốt	3	0	3
15.	Thực hành lâm sàng ca bệnh phức tạp ở người lớn và trẻ em	4	0	4

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **KHOA HỌC Y SINH**Mã số: **8720101**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Giải phẫu học đại cương	2	2	0
2.	Sinh lý học đại cương	3	3	0
3.	Mô-Phôi-Di truyền học	2	2	0
4.	Miễn dịch học	3	3	0
5.	Hóa sinh y học	2	2	0
6.	Bệnh học đại cương	2	2	0
7.	Vì sinh y học	2	2	0
8.	Ký sinh trùng y học	2	2	0
Phần tự chọn 1: Giải phẫu học (20 TC)				
1.	Giải phẫu định khu chi trên – chi dưới	4	2	2
2.	Giải phẫu định khu vùng đầu cổ	4	2	2
3.	Giải phẫu ngực	2	1	1
4.	Giải phẫu bụng	4	2	2
5.	Giải phẫu thần kinh	4	0	4
6.	Các kỹ thuật trong giải phẫu	2	1	1
Phần tự chọn 2: Sinh lý học (20 TC)				
1.	Sinh lý hệ máu	3	2	1
2.	Sinh lý hệ tim mạch	3	2	1
3.	Sinh lý hệ hô hấp	3	2	1
4.	Sinh lý hệ tiêu hóa	2	2	0
5.	Sinh lý hệ thận niệu	2	2	0
6.	Sinh lý hệ nội tiết – sinh sản	3	3	0
7.	Sinh lý hệ thần kinh – cơ	4	2	2
Phần tự chọn 3: Hóa sinh (20 TC)				
1.	Hóa sinh lâm sàng I	4	3	1
2.	Hóa sinh lâm sàng II	4	3	1
3.	Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh y học	4	1	3
4.	Kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	4	1	3
5.	Đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng	4	2	2
Phần tự chọn 4: Mô phôi – Di truyền học (20 TC)				
1.	Mô học cơ quan	2	2	0
2.	Phôi thai học cơ quan	2	2	0
3.	Tế bào gốc và các ứng dụng trong y học	2	2	0
4.	Di truyền học lâm sàng	2	2	0
5.	Di truyền học phân tử	2	1	1
6.	Mô và vật liệu ghép	2	2	0
7.	Kỹ thuật vi thể và ứng dụng	2	1	1

8.	Kỹ thuật nhuộm sắc thể đồ	2	1	1
9.	Kỹ thuật lai tại chỗ	2	1	1
10.	Nuôi cấy tế bào	2	2	0
Phần tự chọn 5: Ký sinh trùng (20 TC)				
1.	Ký sinh trùng trong y học cộng đồng	2	2	0
2.	Ký sinh trùng trong y học lâm sàng	2	2	0
3.	Phân học ký sinh trùng	2	1	1
4.	Tiết túc y học	2	1	1
5.	Huyết học ký sinh trùng	2	1	1
6.	Vì nấm y học	2	1	1
7.	Bệnh động vật ký sinh	2	2	0
8.	Bệnh vì nấm cơ hội	2	2	0
9.	Bệnh đơn bào cơ hội	2	2	0
10.	Tăng bạch cầu toan tính trong bệnh ký sinh trùng	2	2	0
Phần tự chọn 6: Ký sinh trùng (20 TC)				
1.	Các vi khuẩn gây bệnh phần I: Staphylococci, Streptococci, Neisseria, trực khuẩn đường ruột, trực khuẩn Gram âm không lên men	2	1	1
2.	Các vi khuẩn gây bệnh phần II: Helicobacter, vi khuẩn kỵ khí, Mycobacteria, xoắn khuẩn	2	1	1
3.	Các vi rút gây bệnh phần I: ARBO, MYXO, viêm gan	2	1	1
4.	Các vi rút gây bệnh phần II: Adeno, Rota, Picorna, Herpes, HIV/AIDS	2	1	1
5.	Các chuyên đề vi sinh nhiễm khuẩn theo hệ thống: tiêu hóa, hô hấp, niệu – sinh dục, tuần hoàn, thần kinh, da và mô mềm, mắt tai mũi họng	2	1	1
6.	Nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	1
7.	Chẩn đoán lao và bệnh lao kháng thuốc, kháng sinh đồ vi khuẩn lao	2	0	2
8.	Thực hành các quy trình vi sinh tại Bệnh viện Đại học Y Dược	2	0	2
9.	Thực hành các quy trình vi sinh tại Bệnh viện Chợ Rẫy	2	0	2
10.	Thực hành các quy trình vi sinh tại viện Pasteur TP. HCM	2	0	2
Phần tự chọn 7: Giải phẫu bệnh (20 TC)				
1.	Sinh học ung thư	2	2	0
2.	Kỹ thuật giải phẫu bệnh - ứng dụng sinh học phân tử trong chẩn đoán giải phẫu bệnh	2	1	1
3.	Ứng dụng Hóa mô miễn dịch trong chẩn đoán giải phẫu bệnh	2	1	1
4.	Bệnh học tế bào – Kỹ thuật FNA	2	1	1
5.	Bệnh học đầu cổ - Tuyến giáp	2	1	1
6.	Bệnh học đường hô hấp dưới	2	1	1
7.	Bệnh học hệ tiêu hóa	2	1	1
8.	Bệnh học gan, mật, tụy	2	1	1
9.	Bệnh học tuyến vú	2	1	1
10.	Bệnh học hệ lympho	2	1	1
11.	Bệnh học hệ sinh dục nữ	2	1	1
12.	Bệnh học hệ nội tiết	2	1	1
13.	Bệnh học hệ thần kinh trung ương	2	1	1
14.	Bệnh học hệ tiết niệu	2	1	1
15.	Bệnh học hệ sinh dục nam	2	1	1
16.	Bệnh học xương, khớp và phần mềm	2	1	1
Phần tự chọn 8: Sinh lý bệnh – Miễn dịch (20 TC)				
1.	Miễn dịch bẩm sinh	4	4	0
2.	Miễn dịch dịch thể	4	4	0
3.	Miễn dịch tế bào	4	4	0
4.	Miễn dịch chống vi sinh vật, chống ung bướu và miễn dịch ghép	4	4	0
5.	Bệnh lý miễn dịch	4	4	0

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: Nội khoa

Mã số: 8720107

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 05 tín chỉ:

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Triết học	3	3	0
2	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 08 tín chỉ.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1	Sinh học phân tử	2	1	1
2	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
4	Thống kê y học	2	2	0

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 tín chỉ

TT	TÊN HỌC PHẦN Kiến thức cơ bản trong nội khoa	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1	NỘI TIẾT: 1. Các bệnh lý nội tiết thường gặp 2. Đái tháo đường cơ bản	1 1	1 1	0 0
2	THẦN KINH: Thần kinh học trong nội khoa 1. Đau đầu 2. Hôn mê	1 1	1 1	0 0
3	TÂM THẦN: 1. Rối loạn trầm cảm 2. Rối loạn lo âu	1 1	1 1	0 0
4	LÃO KHOA: 1. Tiếp cận toàn diện bệnh nhân cao tuổi 2. Sử dụng thuốc ở người cao tuổi	1 1	1 1	0 0
5	NỘI TỔNG QUÁT: Tiếp cận một số vấn đề nội tổng quát 1. Tiếp cận bệnh nhân tăng huyết áp 2. Đọc X quang lồng ngực 3. Tiếp cận bệnh nhân khó thở 4. Tiếp cận bệnh nhân đau ngực 5. Tiếp cận bệnh nhân đau bụng cấp 6. Mười hội chứng thận học	1 1 1 1 1 1	1 1 1 1 1 1	0 0 0 0 0 0
6	DA LIỄU: 1. Phản ứng da do thuốc	1	1	0

	2. Hàng rào bảo vệ da và miễn dịch đề kháng	1	1	0
7	HUYẾT HỌC: 1. Máu và các chế phẩm sử dụng trong điều trị 2. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu	1 1	1 1	0 0
Phần tự chọn: 20 TC				
1	Nội khoa tổng quát: 1. Nội Tim mạch 2. Nội Tiêu hóa 3. Nội Hô hấp 4. Nội Thận	20 5 5 5 5	8 2 2 2 2	12 3 3 3 3
2	Thần kinh: 1. Khoa học thần kinh 2. Bệnh lý mạch máu não 3. Động kinh 4. Rối loạn vận động 5. Bệnh thần kinh cơ	20 4 4 4 4 4	10 2 2 2 2 2	10 2 2 2 2 2
3	Nội tiết: 1. Bệnh lý đái tháo đường 2. Đại cương bệnh tuyến yên 3. Bệnh lý thượng thận 4. Bệnh lý tuyến giáp 5. Rối loạn điện giải và loãng xương	20 4 4 4 4 4	11 4 1 4 1 1	9 0 3 0 3 3
4	Tâm thần: 1. Các rối loạn tâm thần thường gặp 2. Rối loạn tâm thần người già 3. Rối loạn tâm thần trẻ em 4. Dược lý tâm thần 5. Ứng dụng tâm lý trị liệu trong chuyên ngành sức khỏe tâm thần	20 4 4 4 4 4	10 2 2 2 2 2	10 2 2 2 2 2
5	Da liễu (chọn 05 trong 07 học phần): 1. Da liễu đại cương (bắt buộc) 2. Bệnh da miễn dịch dị ứng (bắt buộc) 3. Bệnh da nhiễm trùng (bắt buộc) 4. Bệnh lây truyền qua đường tình dục (bắt buộc) 5. Bệnh da khác (tự chọn) 6. Thẩm mỹ da (tự chọn) 7. Sinh học phân tử và điều trị nhắm trúng đích da liễu (tự chọn)	20 4 4 4 4 4 4 4	10 2 2 2 2 2 2 2	10 2 2 2 2 2 2 2
6	Huyết học 1. Huyết học – Truyền máu đại cương 2. Tế bào và cơ quan tạo máu 3. Miễn dịch và sinh học phân tử trong huyết học 4. Đông máu học 5. Huyết học lâm sàng	20 5 5 5 5 5	8 5 1 1 1 1	12 0 4 4 4 4

7	Lão khoa (chọn 05 trong 07 học phần)	20	11	9
	1. Tích tuổi học đại cương	4	4	0
	2. Hội chứng Lão hóa	4	1	3
	3. Biến đổi cấu trúc và chức năng các hệ cơ quan theo tuổi	4	4	0
	4. Các bệnh thường gặp ở người cao tuổi	4	1	3
	5. Chăm sóc giảm nhẹ trong Lão khoa	4	1	3
	6. Dinh dưỡng ở người cao tuổi	4	1	3
	7. Hồi sức cấp cứu ở người cao tuổi	4	1	3
8	Phục hồi chức năng	20	11	9
	1. Lượng giá trong phục hồi chức năng	4	4	0
	2. Vật lý trị liệu trong phục hồi chức năng	4	1	3
	3. Các phương pháp điều trị phục hồi chức năng khác ngoài vật lý trị liệu	4	4	0
	4. Phục hồi chức năng nội khoa	4	1	3
	5. Phục hồi chức năng ngoại khoa	4	1	3

IV. LUẬN VĂN: 9 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Chuyên ngành: **NGOẠI KHOA**

Mã số: **8720104**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thông kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Ngoại Cơ sở và Cấp cứu bụng	3	2	1
2.	Chấn thương Chính hình	3	2	1
3.	Ngoại thần kinh	3	2	1
4.	Phẫu thuật Lồng ngực – Tim mạch	3	2	1
5.	Tiết niệu học	3	2	1
6.	Ngoại Nhi Tổng quát – Cấp cứu hồi sức ngoại nhi	3	2	1
Phần tự chọn: 20 TC				
1.	Phẫu thuật thực nghiệm	1	0	1
2.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1
3.	Ung thư đại cương	3	3	0
4.	Gây mê – Hồi sức	3	2	1
5.	Ngoại Gan – Mật – Tụy	4	2	2
6.	Ngoại Tiêu hóa – Thành bụng	4	2	2
7.	Hậu môn – Trực tràng	3	2	1
8.	Chấn thương xương khớp chi trên	4	2	2
9.	Chấn thương xương khớp chi dưới	4	2	2
10.	Chấn thương cột sống	2	1	1
11.	Bệnh lý cơ quan vận động	2	1	1
12.	Các kỹ thuật cơ bản trong chấn thương chỉnh hình	4	2	2
13.	Phục hồi chức năng trong chấn thương cơ quan vận động	4	2	2
14.	Sinh học phân tử và di truyền trong thần kinh	1	1	0
15.	Giải phẫu hệ thần kinh	4	2	2
16.	Nội thần kinh	3	2	1
17.	Chấn thương thần kinh	4	2	2
18.	Bệnh lý não cơ bản	4	2	2
19.	Bệnh lý cột sống cơ bản	4	2	2
20.	Phẫu thuật mạch máu ngoại biên	2	1	1

21.	Phẫu thuật mạch máu lớn và tĩnh mạch	2	1	1
22.	Phẫu thuật phổi và thành ngực	2	1	1
23.	Phẫu thuật trung thất và tuyến giáp	2	1	1
24.	Phẫu thuật bệnh tim mắc phải	2	1	1
25.	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh	2	1	1
26.	Tiết niệu học cơ sở	3	2	1
27.	Cấp cứu trong tiết niệu học (chấn thương – vết thương và cấp cứu không chấn thương Tiết niệu học)	4	2	2
28.	Sỏi đường tiết niệu	3	2	1
29.	Bướu học đường tiết niệu	2	1	1
30.	Dị tật và bệnh bẩm sinh đường tiết niệu	2	1	1
31.	Nhiễm khuẩn đường tiết niệu (đặc hiệu và không đặc hiệu)	2	1	1
32.	Suy thận và các phương pháp lọc máu ngoại thận	2	1	1
33.	Nam giới học	2	1	1
34.	Tiết niệu nhi	4	2	2
35.	Tiêu hóa – Gan mật	4	2	2
36.	Phẫu thuật sơ sinh	4	2	2
37.	Ung bướu nhi	4	2	2
38.	Chấn thương chỉnh hình nhi	2	1	1
39.	Lồng ngực nhi	2	1	1

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **NHÂN KHOA**Mã số: **8720157**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Bệnh học kết – giác - cùng mạc và phần phụ	5	3	2
2.	Bệnh học glôcôm - thể thủy tinh	5	3	2
3.	Bệnh học màng bồ đào – võng mạc - dịch kính	5	3	2
4.	Thần kinh nhãn khoa – Lé cơ năng	3	2	1
Phần tự chọn: 20 TC				
1.	Sinh học tế bào trong y khoa	2	1	1
2.	Miễn dịch học	2	1	1
3.	Sinh tin học lâm sàng	2	1	1
4.	Y học chứng cứ	1	0.5	0.5
5.	Kỹ năng viết và trình bày trong khoa học	1	0.5	0.5
6.	Siêu âm trong nhãn khoa	6	3	3
7.	Chụp cắt lớp CT scan và MRI trong nhãn khoa	3	2	1
8.	Thị trường	3	2	1
9.	Chụp mạch huỳnh quang trong nhãn khoa	3	2	1
10.	Bệnh học nhãn nhi	6	3	3
11.	Bóng – chấn thương	3	2	1

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: **NHI KHOA**

Mã số: **8720106**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Hô hấp	2	1	1
2.	Tim mạch – Khớp	2	1	1
3.	Cấp cứu – Hồi sức	4	2	2
4.	Huyết học	2	1	1
5.	Thận niệu – Nội tiết	4	2	2
6.	Sơ sinh	2	1	1
7.	Tiêu hóa	2	1	1
Phần tự chọn: 20 TC				
1.	Sinh học tế bào trong y khoa	2	1	1
2.	Miễn dịch học	2	1	1
3.	Sinh tin học lâm sàng	2	1	1
4.	Y học chứng cứ	1	0.5	0.5
5.	Kỹ năng viết và trình bày trong khoa học	1	0.5	0.5
6.	Siêu âm trong hồi sức cấp cứu nhi khoa cơ bản	4	2	2
7.	Kỹ năng viết và trình bày trong khoa học	1	1	0
8.	Dinh dưỡng nhi khoa	3	2	1
9.	Chủng ngừa	2	1	1
10.	Bệnh lý ngoại nhi	2	1	1
11.	Hình ảnh học siêu âm và X quang trong bệnh lý tiêu hoá ở trẻ em	2	1	1
12.	Thông khí hỗ trợ (thở máy)	2	1	1
13.	Đánh giá chức năng hô hấp	2	1	1
14.	Hình ảnh học X quang trong bệnh lý hô hấp ở trẻ em	2	1	1
15.	Độc điện tâm đồ	2	1	1
16.	Tầm soát sơ sinh bệnh lý nội tiết – rối loạn chuyển hoá	2	1	1
17.	Bệnh lý thần kinh nhi thường gặp	2	1	1

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **RĂNG – HÀM – MẶT**Mã số: **8720501**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y
Được Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			I	II	III	IV
		TC	LT	TH				
1	Triết học	3	3	0	x			
2	Ngoại ngữ	2	2	0	x			

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			I	II	III	IV
		TC	LT	TH				
1	Sinh học phân tử	2	1	1	x			
2	Y đức – Xã hội học	2	2	0	x			
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	x			
4	Thống kê y học	2	1	1	x			

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			I	II	III	IV
		TC	LT	TH				
Phần bắt buộc: 18 tín chỉ								
1	Nghiên cứu khoa học RHM 1	3	3	0	x			
2	Nghiên cứu khoa học RHM 2	6	0	6			x	
3	Sinh học phân tử RHM	4	2	2	x			
4	Nha khoa cơ sở	3	2	1	x			
5	Chẩn đoán hình ảnh RHM	2	1	1	x			
Phần tự chọn: 20 tín chỉ (chọn 05 học phần: 02 học phần môn chính và 03 học phần Khoa học cơ sở)								
1	Răng hàm mặt cơ sở	11	3	8			x	x
2	Khoa học hình ảnh RHM 1	6	3	3	x	x		
3	Khoa học hình ảnh RHM 2	5	0	5			x	x
4	Bệnh học miệng và hàm mặt 1	6	3	3	x	x		
5	Bệnh học miệng và hàm mặt 2	5	0	5			x	x
6	Phẫu thuật miệng 1	3	3	0	x			
7	Phẫu thuật miệng 2	8	0	8			x	x
8	Phẫu thuật hàm mặt 1	6	3	3	x	x		
9	Phẫu thuật hàm mặt 2	5	0	5			x	x
10	Nha khoa công cộng 1	6	3	3	x	x		
11	Nha khoa công cộng 2	5	0	5			x	x
12	Chỉnh hình răng mặt 1	6	3	3	x	x		
13	Chỉnh hình răng mặt 2	5	0	5			x	x
14	Nha khoa trẻ em 1	6	3	3	x	x		
15	Nha khoa trẻ em 2	5	0	5			x	x
16	Phục hình răng hàm mặt 1	6	3	3	x	x		
17	Phục hình răng hàm mặt 2	5	0	5			x	x

18	Nha chu 1	6	3	3	x	x		
19	Nha chu 2	5	0	5			x	x
20	Chữa răng –Nội nha 1	6	3	3	x	x		
21	Chữa răng –Nội nha 2	5	0	5			x	x
22	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép 1	6	3	3	x	x		
23	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cây ghép 2	5	0	5			x	x
24	KHCS Chẩn đoán hình ảnh RHM	3	1	2	x	x		
25	KHCS Bệnh học miệng	3	1	2	x	x		
26	KHCS Phẫu thuật miệng	3	1	2	x	x		
27	KHCS Phẫu thuật hàm mặt	3	1	2	x	x		
28	KHCS Chính hình răng mặt	3	1	2	x	x		
29	KHCS Nha khoa công cộng	3	1	2	x	x		
30	KHCS Nha khoa trẻ em	3	1	2	x	x		
31	KHCS Phục hình răng hàm mặt	3	1	2	x	x		
32	KHCS Nha chu	3	1	2	x	x		
33	KHCS Chữa răng-Nội nha	3	1	2	x	x		
34	KHCS Cấy ghép nha khoa	3	1	2	x	x		
35	KHCS Cẩn khớp	3	1	2	x	x		

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: **SẢN PHỤ KHOA**

Mã số: **8720105**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Sản cơ sở	2	1	1
2.	Sản khó	2	1	1
3.	Sản bệnh	5	3	2
4.	Phụ khoa cơ sở	2	1	1
5.	Phụ khoa bệnh lý – nội tiết – vô sinh – ung thư	4	2	2
6.	Kế hoạch hóa gia đình	3	1	2
Phần tự chọn: 20 TC				
1.	Sinh học tế bào trong y khoa	2	1	1
2.	Miễn dịch học	2	1	1
3.	Sinh tin học lâm sàng	2	1	1
4.	Y học chứng cứ	1	0.5	0.5
5.	Kỹ năng viết và trình bày trong khoa học	1	0.5	0.5
6.	Phẫu thuật trong sản phụ khoa	4	2	2
7.	Thủ thuật sản phụ khoa	4	2	2
8.	Chăm sóc và hồi sức sơ sinh	4	2	2
9.	Soi cổ tử cung	4	3	1
10.	Hiếm muộn cơ bản *	4	2	2
11.	Nội soi	4	2	2
12.	CTG	4	1	3
13.	Nội tiết sinh sản cơ bản *	6	2	4
14.	Kỹ thuật labo cơ bản *	6	2	4
15.	Phôi học lâm sàng *	6	2	4

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: TAI – MŨI – HỌNG

Mã số: 8720155

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Bệnh học tai	5	3	2
2.	Bệnh học mũi xoang	5	3	2
3.	Bệnh học họng thanh quản	5	3	2
4.	Bệnh học vùng đầu cổ	3	2	1
Phần tự chọn: 20 TC				
1.	Sinh học tế bào trong y khoa	2	1	1
2.	Miễn dịch học	2	1	1
3.	Sinh tin học lâm sàng	2	1	1
4.	Y học chứng cứ	1	0.5	0.5
5.	Kỹ năng viết và trình bày trong khoa học	1	0.5	0.5
6.	Các phương pháp thăm dò chức năng thính học	6	3	3
7.	Giải phẫu bệnh trong Tai Mũi Họng	3	2	1
8.	Các phương pháp thăm dò chức năng thở qua mũi	3	2	1
9.	Hình ảnh học trong Tai Mũi Họng	6	3	3
10.	Nội soi chẩn đoán trong Tai Mũi Họng	6	3	3

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC**Mã số: **8720412**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	1	1

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử cơ sở Dược	2	2	0
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3.	Đạo đức trong hành nghề Dược	2	2	0
4.	Trắc nghiệm giả thuyết thống kê trong ngành Dược	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 32 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Pháp chế dược chuyên ngành	3	2	1
2.	Công tác dược bệnh viện	3	3	0
3.	Kinh tế dược trong lâm sàng	3	3	0
4.	Quản trị kinh doanh dược	3	3	0
5.	Quản lý sử dụng thuốc	3	3	0
6.	Hệ thống quản lý chất lượng thuốc và mỹ phẩm	3	3	0
Phần tự chọn: 14 TC				
1.	Quản trị rủi ro trong công tác quản lý dược	3	2	1
2.	Maketing dược nâng cao	2	2	0
3.	Đánh giá công nghệ y tế	2	2	0
4.	Mô hình hóa chi phí hiệu quả trong y tế	3	3	0
5.	Quản trị chiến lược	3	2	1
6.	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc	2	2	0
7.	Thông tin thuốc	3	2	1
8.	Y Dược – Xã hội học	2	2	0
9.	Sai sót trong sử dụng thuốc	2	2	0
10.	Đánh giá sử dụng thuốc	2	2	0
11.	Sử dụng thuốc trong trị liệu	3	3	0
12.	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	2	0
13.	Thiết lập hồ sơ chất lượng thuốc	2	1	1
14.	Các hệ thống đảm bảo chất lượng và công cụ thống kê	3	2	1
15.	Hệ thống kiểm tra chất lượng ISO – IEC 17025, GLP	2	2	0

IV. LUẬN VĂN: 15 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: **UNG THƯ**

Mã số: **8720108**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Sinh học ung thư – Diễn tiến tự nhiên – Phòng ngừa và tầm soát ung thư.	2	1	1
2.	Các phương pháp điều trị ung thư, quan điểm điều trị đa mô thức	2	1	1
3.	Ung thư vú, phụ khoa	4	1	3
4.	Ung thư đường tiêu hóa	4	1	3
5.	Ung thư vùng đầu và cổ	3	1	2
6.	Ung thư tổng quát	3	1	2
Phần tự chọn: 20 TC				
1.	Sinh học tế bào trong y khoa	2	1	1
2.	Miễn dịch học	2	1	1
3.	Sinh tin học lâm sàng	2	1	1
4.	Y học chứng cứ	1	0.5	0.5
5.	Kỹ năng viết và trình bày trong khoa học	1	0.5	0.5
6.	Ngoại cơ sở và cấp cứu bụng	4	2	2
7.	Ngoại niệu	4	2	2
8.	Huyết học	4	2	2
9.	Chẩn đoán hình ảnh	4	2	2
10.	Chăm sóc giảm nhẹ trong ung thư	4	2	2
11.	Cấp cứu nội khoa ung thư	2	1	1
12.	Cấp cứu ngoại khoa ung thư	2	1	1
13.	Giải phẫu bệnh	4	2	2
14.	Giải phẫu học ứng dụng trong ngoại khoa	4	2	2

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **XÉT NGHIỆM Y HỌC**Mã số: **8720601**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 2021; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	0
2.	An toàn phòng xét nghiệm	2	2	0
3.	Tổ chức và quản lý phòng xét nghiệm	2	2	0
4.	Thiết bị phòng xét nghiệm	2	1	1
5.	Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm	5	1	4
6.	Xét nghiệm cơ bản	5	5	0
Phần tự chọn: 20 TC (chọn 1 trong 5 chuyên ngành hoặc 5 trong 20 học phần)				
1.	Xét nghiệm chẩn đoán vi khuẩn gây bệnh	4	2	2
2.	Xét nghiệm phát hiện kháng thuốc	4	2	2
3.	Xét nghiệm chẩn đoán virus gây bệnh	4	2	2
4.	Ứng dụng sinh học phân tử trong xét nghiệm vi sinh	4	2	2
5.	Thực tế xét nghiệm vi sinh tại bệnh viện	4	0	4
6.	Xét nghiệm hóa sinh trong bệnh lý tim mạch – gan – thận	4	2	2
7.	Xét nghiệm hóa sinh trong bệnh ung thư và di truyền	4	2	2
8.	Xét nghiệm hóa sinh trong các bệnh nội tiết - chuyển hóa	4	2	2
9.	Xét nghiệm hóa sinh trong bệnh lý tụy và các bệnh khác	4	2	2
10.	Thực tế xét nghiệm hóa sinh tại bệnh viện	4	0	4
11.	Huyết học đông máu	4	2	2
12.	Huyết học truyền máu	4	2	2
13.	Huyết tủy đồ	4	2	2
14.	Ứng dụng miễn dịch và sinh học phân tử trong huyết học	4	2	2
15.	Thực tế xét nghiệm huyết học tại bệnh viện	4	0	4
16.	Kỹ thuật cơ bản chẩn đoán ký sinh trùng	4	2	2
17.	Ứng dụng sinh học phân tử trong chẩn đoán ký sinh trùng	4	2	2
18.	Bệnh học ký sinh trùng	4	2	2
19.	Bệnh học vi nấm	4	2	2
20.	Thực tế xét nghiệm ký sinh trùng tại bệnh viện	4	0	4
21.	Giải phẫu bệnh các bệnh hệ thống	4	2	2
22.	Tế bào học cổ tử cung âm đạo	4	2	2
23.	Tế bào học các cơ quan – dịch	4	2	2
24.	Kỹ thuật nhuộm tế bào – giải phẫu bệnh	4	2	2
25.	Thực tế xét nghiệm tế bào - giải phẫu bệnh tại bệnh viện	4	0	4

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)Ngành: **Y HỌC CỔ TRUYỀN**Mã số: **8720115**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thông kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 38 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Y học cổ truyền cơ sở	2	2	0
2.	Bệnh học và điều trị hệ thần kinh	4	2	2
3.	Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 1 (Tim mạch-Hô hấp)	4	2	2
4.	Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 5 (Cơ xương khớp)	4	2	2
5.	Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 6 (Lão khoa)	4	2	2
Phần tự chọn: 20 TC				
Cụm 1: 8 TC (chọn trong 3 học phần)				
1.	Nghiên cứu thực nghiệm y dược học cổ truyền	4	2	2
2.	Dược lý (cổ truyền và hiện đại)	4	2	2
3.	Thần kinh sinh học	4	2	2
Cụm 2: 12 TC (Chọn 3 trong 7 học phần)				
1.	Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 2 (Tiêu hóa - Gan mật)	4	2	2
2.	Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 3 (Chuyển hóa - Nội tiết - Huyết học)	4	2	2
3.	Bệnh học và điều trị kết hợp Nội tổng quát 4 (Thận - Tiết niệu)	4	2	2
4.	Bệnh học và điều trị kết hợp Phụ khoa	4	2	2
5.	Bệnh học và điều trị kết hợp Ngoại da	4	2	2
6.	Bệnh học và điều trị kết hợp Tai Mũi Họng	4	2	2
7.	Dưỡng sinh nâng cao & Bảo vệ sức khỏe	4	2	2

IV. LUẬN VĂN: 09 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (64 TÍN CHỈ)

Ngành: Y HỌC DỰ PHÒNG

Mã số: 8720163

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 39 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Dịch tễ học cơ bản	3	2	1
2.	Tổ chức – Quản lý y tế	3	2	1
3.	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe	3	2	1
4.	Sức khỏe môi trường	3	2	1
5.	Sức khỏe dân số	3	2	1
6.	Thiết kế và phân tích thống kê cho nghiên cứu khoa học	3	2	1
Phần tự chọn: 21 TC				
1.	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	3	2	1
2.	Nâng cao sức khỏe	3	2	1
3.	Điều tra sức khỏe cộng đồng	3	2	1
4.	Chương trình y tế quốc gia	3	2	1
5.	Quản lý dự án	3	2	1
6.	Kinh tế y tế	3	2	1
7.	Dịch tễ học ứng dụng	3	2	1
8.	Y học chứng cứ	3	2	1
9.	Quản lý bệnh viện	3	2	1
10.	Nghiên cứu định tính	3	2	1
11.	Sức khỏe học đường	3	2	1
12.	Sức khỏe nghề nghiệp	3	2	1
13.	Lập kế hoạch y tế	3	2	1

IV. LUẬN VĂN: 12 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (64 TÍN CHỈ)

Ngành: **Y TẾ CÔNG CỘNG**

Mã số: **8720701**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 202 ; của Hiệu trưởng đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 39 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 18 TC				
1.	Dịch tễ học cơ bản	3	2	1
2.	Thiết kế và phân tích thống kê cho NCKH	3	2	1
3.	Tổ chức – Quản lý y tế	3	2	1
4.	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe	3	2	1
5.	Sức khỏe môi trường	3	2	1
6.	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	3	2	1
Phần tự chọn: 21 TC				
1.	Kinh tế y tế	3	2	1
2.	Lập kế hoạch y tế	3	2	1
3.	Quản lý dự án	3	2	1
4.	Sức khỏe dân số	3	2	1
5.	Chương trình y tế quốc gia	3	2	1
6.	Nghiên cứu định tính	3	2	1
7.	Nâng cao sức khỏe	3	2	1
8.	Điều tra sức khỏe cộng đồng	3	2	1
9.	Dịch tễ học dinh dưỡng	3	2	1
10.	Sức khỏe nghề nghiệp	3	2	1
11.	Y học chứng cứ	3	2	1
12.	Sức khỏe học đường	3	2	1
13.	Dịch tễ học ứng dụng	3	2	1

IV. LUẬN VĂN: 12 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG